

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2021

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Kim Thành

2. Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị Ngọc S, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 10, ấp R A, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN. Tạm trú: Ấp TT, xã LT, huyện BC, tỉnh TN (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Nhựt Tr, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ 10, ấp R A, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lần làm việc, nguyên đơn chị Tạ Thị Ngọc S trình bày:

Chị và anh Đỗ Nhựt Tr chung sống với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ tuyên bố và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

TĐ, huyện GD vào năm 2002. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại nhà cha mẹ ruột anh Tr đến khi vợ chồng ly thân.

Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr thường xuyên uống rượu, tham gia cờ bạc, nhiều lần khuyên can nhưng anh Tr không nghe mà còn đánh chị, ngoài ra chị có mâu thuẫn với mẹ chồng không thể hòa giải được nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 DL đến nay mà không bàn việc đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Đỗ Tấn A, sinh năm 2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Đỗ Thị S, sinh năm 2000, cháu khai sinh theo họ của anh Tr nhưng là con riêng của chị.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Nhật Tr: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Tr không đến và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự (chị S), kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Tr không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của S đối với anh Tr. Về con chung: Cháu Đỗ Tấn A, sinh năm 2002 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị S và anh Tr chung sống với nhau từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện Gò Dầu vào năm 2002. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị S có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị S thì thấy: Theo chị S, nguyên nhân ly hôn do anh Tr thường xuyên uống rượu, tham gia cờ bạc, nhiều lần khuyên can nhưng anh Tr không nghe mà còn đánh chị, ngoài ra chị có mâu thuẫn với mẹ anh Tr không thể hòa giải được. Kể từ ngày ly thân đến nay anh chị không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ và Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhưng anh Tr không đến, thể hiện anh Tr bỏ mặc tình cảm vợ chồng và không có thiện chí để đoàn tụ với chị S.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 DL đến nay mà không thể đoàn tụ được, thể hiện tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Đỗ Tấn A, sinh năm 2002. Hiện cháu A đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tạ Thị Ngọc S đối với anh Đỗ Nhật Tr. Chị S được ly hôn với anh Tr.

2. Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Đỗ Tấn A, sinh năm 2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên giải quyết.

4. Án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012721 ngày 15 tháng

01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận chị S đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Thạnh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên